

Số: /KH-UBND

Si Ma Cai, ngày tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH

Cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 và định hướng 2030

Thực hiện Văn bản số 1866/SNN-PTNT ngày 03/10/2022 của Sở nông nghiệp và PTNT về việc triển khai thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030.

UBND huyện Si Ma Cai xây dựng Kế hoạch cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 với nội dung như sau:

I. Thực trạng cơ khí hoá sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện

1. Đánh giá cơ giới hoá nông nghiệp đối với trồng trọt

Cơ giới hóa nông nghiệp huyện Si Ma Cai đang có chuyển biến tích cực, góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao. Đây là bước tạo nền tảng vững chắc cho nông nghiệp bảo đảm hướng sản xuất hàng hóa, thực hiện thành công mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM bền vững, phát triển. Tuy nhiên, việc áp dụng cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện còn thấp, mọi khâu sản xuất cơ bản thực hiện thủ công, chưa đồng đều, chưa đáp ứng được kỳ vọng, cũng như yêu cầu của một nền nông nghiệp hiện đại.

1.1. Khâu làm đất: Theo từng loại cây trồng chính, chủ lực

Hiện nay, khâu làm đất trong trồng trọt các loại cây trồng như: Lúa, ngô, rau đậu các loại, dược liệu, quế... đã được nhân dân sử dụng máy làm đất công suất nhỏ chạy bằng xăng hoặc dầu nhưng tỷ lệ rất thấp, các hộ sản xuất chủ yếu làm đất theo cách truyền thống sử dụng gia súc để cày, bừa...

- Cây lúa: 700ha/1.820 ha được làm bằng máy cày bừa chiếm 38,46% tổng diện tích, còn lại 1.120ha/1.820 ha dùng sức kéo của gia súc.

- Cây ngô: 1.120/4658 ha được làm bằng máy cày bừa chiếm 24% tổng diện tích, còn lại 3.580/4.650 ha dùng sức kéo của gia súc.

- Cây rau, hoa màu: 250/500 ha diện tích làm đất bằng máy cày bừa chiếm 50% tổng diện tích, còn lại 250/500 ha làm thủ công.

- Cây ăn quả ôn đới: 250 ha/250ha trồng mới được làm đất bằng phương pháp thủ công.

- Cây dược liệu diện tích trồng mới 38,02 ha được làm đất bằng máy 17/38,02ha chiếm 44,71% tổng diện tích, còn lại 23,02/38,02 ha làm đất bằng thủ công.

- Cây quế: Diện tích 600 ha được làm đất bằng phương pháp thủ công.

1.2. Khâu gieo trồng

Hiện nay trên địa bàn huyện cơ giới hóa khâu gieo trồng chưa được áp dụng cơ giới hóa bằng máy móc chủ yếu vẫn bằng thủ công.

1.3. Khâu chăm sóc

Hiện nay việc vun xới, bón phân cho các loại cây trồng trên địa bàn huyện hiện vẫn thực hiện theo phương pháp truyền thống thủ công, chưa áp dụng cơ giới hóa mới chỉ áp dụng được khâu phun thuốc nhưng chỉ áp dụng được với cây lúa, ngô, rau màu và cây dược liệu.

- Cây lúa: 500 ha/1.820ha chiếm 27,47% diện tích, còn lại không phun.

- Cây ngô: 200/4.658 ha chiếm 4,29% diện tích, còn lại không phun.

- Cây rau, hoa màu: 120 ha/500ha chiếm 24% diện tích, còn lại không phun.

- Ngoài ra, việc phát dọn cỏ, thực bì vun, xới trong chăm sóc cây ăn quả cây lâm nghiệp đã được bà con nhân áp dụng một phần sử dụng máy phát cỏ chạy bằng xăng, dầu để thực hiện.

1.4. Khâu thu hoạch: Thực hiện chủ yếu là thủ công chưa đưa cơ giới hóa vào khâu thu hoạch

Việc áp dụng máy móc sử dụng cho công việc thu hoạch các loại cây trồng như: Lúa, ngô, chè, rau đậu các loại, dược liệu vẫn thực hiện bằng phương pháp thủ công (thu gặt bằng tay).

1.5. Tỷ lệ cơ giới hóa đồng bộ trong lĩnh vực trồng trọt

Tỷ lệ cơ giới hóa lĩnh vực trồng trọt chiếm tỷ lệ rất thấp và chưa đồng đều ở các khâu, các loại cây trồng. Cụ thể, mới tập trung chủ yếu vào làm đất, chăm sóc, thu hoạch. Ở nhiều khâu, mức độ cơ giới hóa còn chưa được áp dụng như gieo, cấy, trồng, vun xới, bón phân hoặc ở mức thấp như sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch.

2. Đánh giá cơ giới hóa trong sản xuất chăn nuôi (tỷ lệ %)

Trong lĩnh vực chăn nuôi, hiện nay vẫn chủ yếu thực hiện theo hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ, mới bắt đầu hình thành vùng chăn nuôi tập trung theo qui mô gia trại. Việc áp dụng cơ giới hóa các khâu trong chăn nuôi rất thấp hầu như không áp dụng vào trong chăn nuôi.

3. Đánh giá cơ giới hoá trong sản xuất lâm nghiệp (tỷ lệ %)

Trong sản xuất lâm nghiệp chưa thực hiện áp dụng cơ giới hóa chủ yếu sử dụng phương pháp thủ công từ khâu làm giống, trồng, chăm sóc.... Mới áp dụng cơ giới trong khâu thu hoạch chặt hạ, vận chuyển khoảng 20%.

4. Đánh giá cơ giới hoá trong sản xuất thủy sản (tỷ lệ %)

Chưa áp dụng cơ giới hóa vì diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ, cả huyện là 22ha, sản lượng 45 tấn nhân dân sử dụng làm thực phẩm trong gia đình.

5. Đánh giá cơ giới hoá trong sản xuất ngành nghề nông thôn (tỷ lệ %)

Hiện nay trên địa bàn huyện có các làng nghề, ngành nghề nông thôn như làm hương, nấu rượu, rệt thổ cẩm, bánh phở hầu như chưa áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, chỉ có 1 cơ sở sản xuất nấu rượu xã Cán Cấu đã áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất còn lại đều là thủ công.

6. Đối với hình thức dịch vụ cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp như bán máy, bảo dưỡng, sửa chữa, dịch vụ cơ khí nông nghiệp làm thuê (cày, gặt, tuốt đập...)

Hiện nay trên địa bàn huyện một số cơ sở kinh doanh, sửa chữa máy móc nhỏ lẻ đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, chưa có cơ sở hoạt động dịch vụ thuê máy móc.

7. Những chính sách của địa phương khuyến khích hỗ trợ nông dân đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp

Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp (cơ chế, hình thức hỗ trợ, dồn điền đổi thửa, tình hình thực hiện Quyết định 68/2013/QĐ-TTg...) huyện đã bố trí nhiều nguồn kinh phí hỗ trợ nhân dân mua sắm máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên do đặc thù vùng cao, nguồn kinh phí hạn hẹp chỉ hỗ trợ một số máy mi ni như máy cày loại nhỏ, máy thái cỏ, máy nghiền ngô ... Việc dồn điền đổi thửa chưa thực hiện được do đặc thù địa hình vùng cao độ dốc lớn, diện tích manh mún.

8. Mô hình, dự án hỗ trợ của nhà nước từ trước đến nay và riêng năm 2022

* Hỗ trợ trước năm 2022

- Hỗ trợ máy nghiền đa năng (nghiền thức ăn chăn nuôi) hỗ trợ 433 máy cho 433 hộ, kinh phí là 2.165 triệu đồng.

- Hỗ trợ máy cày mini 50 máy cho 50 hộ với số tiền là 625 triệu đồng

- Hỗ trợ máy thái cỏ 112 cái, cho 112 hộ, số tiền là 840 triệu đồng

* Dự kiến hỗ trợ năm 2022

- Hỗ trợ máy phát cỏ cầm tay: 40 cái, kinh phí 192 triệu đồng tại 02 xã Lũng Thẩn, Quan Hồ Thẩn.

(Chi tiết có biểu 01, 02, 03, 04, 05 đính kèm)

II. Mục tiêu, nội dung và giải pháp phát triển cơ khí hoá sản xuất nông lâm, thủy sản năm 2022-2025 và định hướng đến năm 2030

1. Mục tiêu

Thực hiện cơ giới hóa trong nông nghiệp một cách đồng bộ, hướng tới nền sản xuất nông nghiệp tiên tiến, công nghệ cao, nâng cao năng suất, sản lượng, giải phóng sức lao động và tránh tổn thất trong sản xuất nông nghiệp.

Đến năm 2025 phấn đấu 50% diện tích trồng cây lúa, cây ăn quả, cây rau hoa màu được sử dụng cơ giới hóa đồng bộ từ quá trình sản xuất (khâu làm đất, chăm sóc đến thu hoạch; canh tác bảo quản rau quả).

2. Nội dung

Đẩy mạnh việc áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện của từng loại cây trồng, nhất là các vùng sản xuất tập trung, hàng hóa làm thay đổi dần tập quán canh tác của bà con nhân dân chuyển dần sản xuất từ thủ công sang sản xuất bằng máy móc, thiết bị tiên tiến hiện đại cho năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, giảm thiểu tổn thất trong sản xuất nông nghiệp.

2.1. Công tác Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn và kinh phí thực hiện

Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn nhằm tuyên truyền cho nhân dân những lợi ích của việc sử dụng các loại máy móc trong sản xuất nông lâm nghiệp, đồng thời hướng dẫn nhân dân cách sử dụng và sửa chữa những lỗi nhỏ có thể khắc phục khi sử dụng các thiết bị giúp giảm chi phí trong hoạt động sử dụng máy.

- Giai đoạn từ 2022-2025 trên địa bàn huyện sẽ tổ chức 10 lớp tập huấn, cho nông dân sử dụng các loại máy móc trong sản xuất nông nghiệp (kỹ thuật sử dụng máy móc trong trồng trọt, chăn nuôi, khai thác nông sản...) với tổng kinh phí 338 triệu đồng.

- Giai đoạn từ 2026-2030 trên địa bàn huyện dự kiến sẽ tổ chức 15 lớp tập huấn cho nông dân sử dụng các loại máy móc trong sản xuất nông nghiệp (kỹ thuật sử dụng máy móc trong trồng trọt, chăn nuôi, khai thác nông sản...) với tổng kinh phí 225 triệu đồng.

2.2. Công tác dồn điền đổi thửa và kinh phí thực hiện

- Giai đoạn 2022-2025: Trên địa bàn huyện chưa thực hiện được do đặc thù địa hình vùng cao độ dốc lớn, diện tích manh mún.

- Giai đoạn 2026-2030: Trên địa bàn huyện chưa thực hiện được do đặc thù địa hình vùng cao độ dốc lớn, diện tích manh mún.

2.3. Công tác chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và kinh phí thực hiện

Để giúp người dân tiếp cận với khoa học kỹ thuật cần ưu tiên tập trung vào việc chuyển giao, xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là ứng dụng thành tựu nông nghiệp vào sản xuất; đổi mới phương thức sản xuất, đẩy mạnh liên kết, phát triển thương mại - dịch vụ nông sản nhằm xây dựng phát triển nông sản theo chuỗi có khả năng cạnh tranh cao trong hội nhập. Dự kiến sẽ tổ chức 30 lớp tập huấn cho nông dân giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2026-2030 với tổng kinh phí dự kiến 375 triệu đồng

2.3.1. Cơ giới hóa lĩnh vực trồng trọt

* Giai đoạn 2022-2025:

- Khâu làm đất: Phần đầu cơ giới hóa chiếm khoảng 50% diện tích đất.
 - Khâu gieo trồng: Phần đầu cơ giới khoảng 10% diện tích gieo trồng.
 - Khâu chăm sóc: 90% làm cỏ thủ công và bón phân đúng quy trình kỹ thuật, 10% diện tích sử dụng cơ giới hóa trong các khâu chăm sóc cây trồng.

- Khâu tưới: Khoảng 20% tổng diện tích các loại cây trồng được áp dụng các biện pháp tưới cải tiến, diện tích còn lại được tưới theo phương thức truyền thống của địa phương.

- Khâu thu hoạch: Việc thu hoạch các sản phẩm từ cây trồng (lúa, ngô, cây ăn quả...) vẫn chủ yếu thực hiện thủ công, máy móc được sử dụng khoảng 90% trong tuốt lúa, tẽ ngô.

- Khâu chế biến, bảo quản: Bảo quản rau quả sau khi thu hoạch bằng phương pháp vật lý (bảo quản lạnh) được áp dụng khoảng 5% tổng số sản lượng cây ăn quả và các loại nông sản được thu hoạch trên địa bàn.

* Giai đoạn 2026-2030:

- Khâu làm đất: Phần đầu cơ giới hóa chiếm khoảng 70% diện tích đất.
 - Khâu gieo trồng: Phần đầu cơ giới khoảng 20% diện tích gieo trồng.

- Khâu chăm sóc: 50% làm cỏ thủ công và bón phân đúng quy trình kỹ thuật, 50% diện tích sử dụng cơ giới hóa trong các khâu chăm sóc cây trồng.

- Khâu tưới: Khoảng 30% tổng diện tích các loại cây trồng được áp dụng các biện pháp tưới cải tiến, diện tích còn lại được tưới theo phương thức truyền thống của địa phương.

- Khâu thu hoạch: Việc thu hoạch các sản phẩm từ cây trồng (lúa, ngô, cây ăn quả...) vẫn chủ yếu thực hiện thủ công, máy móc được sử dụng khoảng 95% trong gặt lúa, tẽ ngô.

- Khâu chế biến, bảo quản: Bảo quản rau quả sau khi thu hoạch bằng phương pháp vật lý (bảo quản lạnh) được áp dụng khoảng 10% tổng số sản lượng cây ăn quả và các loại nông sản được thu hoạch trên địa bàn.

2.3.2. Cơ giới hóa lĩnh vực chăn nuôi

* Giai đoạn 2022-2025:

- Cơ giới hóa chăn nuôi: Hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động được sử dụng trong các gia trại chăn nuôi ước chiếm khoảng 5% tổng đàn trên địa bàn huyện.

- Cơ giới hóa chế biến thức ăn: các hộ gia đình, gia trại chăn nuôi khoảng 15% ứng dụng cơ giới hóa các loại máy móc, thiết bị trong khâu chế biến.

- Cơ giới hóa vệ sinh chuồng trại, xử lý tái tạo chất thải chăn nuôi thành các sản phẩm dưới dạng năng lượng (nhiệt, điện) và phân bón hữu cơ: các hộ gia đình chăn nuôi khoảng 30% ứng dụng các loại máy móc, thiết bị trong khâu xử lý chất thải chăn nuôi.

- Cơ giới hóa trong khâu giết mổ, chế biến: Phần đầu khu giết mổ tập trung tại khu vực trung tâm huyện áp dụng 100% cơ giới hóa trong các khâu chế biến.

* Giai đoạn 2026-2030:

- Cơ giới hóa chăn nuôi: Hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động được sử dụng trong các gia trại chăn nuôi ước chiếm khoảng 10% tổng đàn trên địa bàn huyện.

- Cơ giới hóa chế biến thức ăn: các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ và gia trại sử dụng cơ giới hóa khoảng 30% ứng dụng các loại máy móc, thiết bị trong khâu chế biến.

- Cơ giới hóa vệ sinh chuồng trại, xử lý tái tạo chất thải chăn nuôi thành các sản phẩm dưới dạng năng lượng (nhiệt, điện) và phân bón hữu cơ: các hộ gia đình chăn nuôi ước chiếm khoảng 50% ứng dụng các loại máy móc, thiết bị

trong khâu chế biến.

- Cơ giới hóa trong khâu giết mổ, chế biến: Phần đầu khu giết mổ tập trung tại khu vực trung tâm huyện áp dụng 100% cơ giới hóa trong các khâu chế biến.

2.3.3. Cơ giới hóa lĩnh vực thủy sản

- Giai đoạn 2022-2025: Chưa áp dụng cơ giới hóa vì diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ

- Giai đoạn 2026-2030: Chưa áp dụng cơ giới hóa vì diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ

2.3.4. Cơ giới hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp

* Giai đoạn 2022-2025:

- Khâu làm đất: Việc áp dụng cơ giới hóa chiếm khoảng 10% tổng diện tích đất lâm nghiệp.

- Khâu gieo trồng: áp dụng phương pháp thủ công 95% phần đầu khoảng 5% cơ giới hóa được áp dụng.

- Khâu chăm sóc: Khoảng 10% diện tích sử dụng cơ giới hóa trong các khâu chăm sóc, còn lại người dân thực hiện chăm sóc thủ công theo các phương pháp truyền thống của địa phương.

- Khâu phòng trừ sâu bệnh: Khoảng 5% diện tích các loại cây lâm nghiệp được áp dụng các biện pháp phun thuốc tự động.

- Khâu phòng chữa cháy rừng: Tỷ lệ cơ giới hoá phần đầu chiếm khoảng 10% tổng diện tích rừng trên địa bàn huyện.

- Khâu khai thác, vận chuyển gỗ: 30% trong khâu này được sử dụng các loại máy móc thiết bị động cơ để hỗ trợ.

* Giai đoạn 2026-2030:

- Khâu làm đất: Việc áp dụng cơ giới hóa chiếm khoảng 20% tổng diện tích đất lâm nghiệp.

- Khâu gieo trồng: áp dụng phương pháp thủ công 90% phần đầu khoảng 10% cơ giới hóa được áp dụng.

- Khâu chăm sóc: Khoảng 15% diện tích sử dụng cơ giới hóa trong các khâu chăm sóc, còn lại người dân thực hiện chăm sóc thủ công theo các phương pháp truyền thống của địa phương.

- Khâu phòng trừ sâu bệnh: Khoảng 10% diện tích các loại cây lâm nghiệp được áp dụng các biện pháp phun thuốc tự động.

- Khâu phòng chữa cháy rừng: Tỷ lệ cơ giới hoá phần đầu chiếm khoảng

25% tổng diện tích rừng trên địa bàn huyện.

- Khâu khai thác, vận chuyển gỗ: 50% trong khâu này được sử dụng các loại máy móc thiết bị động cơ để hỗ trợ.

3. Nguồn vốn đầu tư và kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí hỗ trợ là: 2.730 triệu đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng)

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (Các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện): 2.184 triệu đồng.

- Vốn nhân dân đóng góp, vốn khác: 546 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu 01 đính kèm)

III. Giải pháp thực hiện

Để đẩy nhanh cơ giới hóa trong các khâu sản xuất nông nghiệp, trong thời gian tới, cần chú trọng thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

- Thứ nhất về cơ chế, chính sách: Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mạnh dạn đầu tư, vay vốn từ các tổ chức tín dụng để trang bị các loại máy móc phục vụ sản xuất.

- Thứ hai về công tác quy hoạch: Quy hoạch tổng thể vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh, nghiên cứu các loại giống cây trồng phù hợp với địa bàn các xã, thị trấn tạo điều kiện thuận lợi trong công tác chế tạo và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất.

- Thứ ba về kỹ thuật, khoa học công nghệ: Khuyến khích doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình cá nhân đầu tư và phát triển ứng dụng công nghiệp cơ khí chế tạo máy nông nghiệp có hiệu quả kinh tế, kỹ thuật cao phù hợp kinh tế - xã hội và đặc điểm địa hình của huyện. Củng cố, thiết lập hệ thống mạng lưới các cơ sở phân phối, cung cấp, bảo hành, sửa chữa máy trên địa bàn. Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh máy nông nghiệp trên địa bàn huyện có những hình thức ưu đãi đối với người mua máy cơ giới nông nghiệp như: bán hàng trả chậm, bảo trì, bảo hành, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng...

- Thứ tư về đào tạo, tập huấn: Khuyến khích và tạo điều kiện thu hút nông dân tham gia đào tạo chính quy, chuyên sâu về lĩnh vực cơ giới hóa. Chú trọng công tác chuyển đổi lực lượng lao động phù hợp, đào tạo, tập huấn, cấp chứng chỉ hành nghề về kỹ thuật sử dụng, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng..., đáp ứng nhu cầu hiện nay và lâu dài. UBND các xã, thị trấn phối hợp với các cơ quan chuyên môn tập huấn nâng cao năng lực quản lý, kỹ thuật sử dụng, bảo quản và sửa chữa máy nông nghiệp cho các tổ hợp tác dịch vụ, hộ nông dân sử dụng máy cơ giới nông nghiệp để nâng cao năng lực quản lý, sử dụng máy đạt hiệu quả

kinh tế; đào tạo đội ngũ công nhân sửa chữa dịch vụ cơ giới nông nghiệp. Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm cơ giới hoá nông nghiệp của các huyện, tỉnh, các doanh nghiệp trong khu vực...

- Thứ năm về công tác thông tin, tuyên truyền: Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về chính sách phát triển cơ giới hóa nông nghiệp của huyện, về hiệu quả của việc cơ giới hóa sản xuất, góp phần giải quyết khó khăn về lao động, đảm bảo tính thời vụ, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường, đặc biệt góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tích cực tuyên truyền, vận động bà con về việc chú trọng đầu tư mua sắm các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, khai thác triệt để hiệu quả, công suất các loại máy móc, nhất là máy cày, kéo, máy gặt đập liên hợp.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Nghiên cứu, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, các tiến bộ khoa học công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành cơ khí nông nghiệp, hướng dẫn thực hiện các quy định về chất lượng sản phẩm.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân về phát triển sản xuất tập trung hàng hóa quy mô lớn để tạo điều kiện đẩy mạnh áp dụng cơ giới vào sản xuất.

- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cân đối, bố trí kinh phí để triển khai các chính sách, chương trình để thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Phòng Kinh tế hạ tầng

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Chương trình xúc tiến thương mại cho các sản phẩm cơ khí nông nghiệp và sản phẩm chế biến nông sản; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất theo Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất kinh doanh lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, cung cấp về thông tin giá cả thị trường;

triển khai thực hiện các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp.

- Tăng cường hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc thù của huyện; triển khai mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tổ chức nghiên cứu, đề xuất tạo điều kiện thuận lợi để hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp tiếp cận đất đai hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, tập trung, tạo điều kiện ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp và phát triển chế biến nông sản; làm cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quản lý môi trường tại các doanh nghiệp chế biến nông sản cũng như các khu vực chế biến nông sản tập trung, nhằm thúc đẩy phát triển ngành chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, an toàn và bền vững.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan lập kế hoạch, nội dung đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sản xuất nông nghiệp; trong đó có nhân lực cho lĩnh vực chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và năng lực quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông sản.

6. Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện

Chỉ đạo các các tổ chức tín dụng tập trung nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng đặc biệt là các mô hình, dự án đầu tư vào cơ giới hóa phục vụ nông nghiệp.

7. UBND các xã, thị trấn

- Rà soát, thống kê các ngành nghề, quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung chuyên canh, hình thành vùng tập trung, cánh đồng lớn nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất (hợp tác xã, tổ hợp tác) áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Trên cơ sở Kế hoạch của huyện lồng ghép các chương trình dự án, cân đối ngân sách hàng năm bố trí nguồn vốn để tổ chức triển khai thực hiện tại địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc hướng dẫn, lựa chọn các loại máy móc, thiết bị phù hợp có công nghệ tiên tiến vào việc xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, vùng sản xuất hàng hóa tập trung, điều kiện canh tác trên địa bàn.

8. Chế độ thông tin và báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, định kỳ hàng năm vào ngày 30/11 báo cáo kết quả thực hiện, gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Si Ma Cai. Yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ tình hình thực tế xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung nêu trên đảm bảo kịp thời, phù hợp, thiết thực, hiệu quả và đúng quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT. UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng TC-KH;
- Phòng KT-HT;
- Phòng TN&MT;
- Phòng LĐ&TBXH;
- Ngân hàng CSXH, NN&PTNT;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lý Xuân Thành